

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 14-8-2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu và ông Nguyễn Hoàng Thám

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Phan Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 183/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12-An Giang, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2025/QĐXXPT-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Trúc P, sinh năm 1981 (Có mặt)

Căn cước công dân số 089181020150; địa chỉ: số nhà G, tổ B, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

+ **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần tài sản:** Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh An Giang đại diện theo giấy ủy quyền ngày 14/8/2025 (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1976 (Có mặt)

Căn cước công dân; số 089076005472; địa chỉ: số nhà G, tổ B, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

+ **Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản:** Bà Bùi Trần Phú T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp M, xã P, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Số G

đường H, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang đại diện theo Giấy ủy quyền được văn phòng C số 6482/2025/CCGD ngày 10/11/2025 (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Thành D, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh An Giang (Có đơn xin vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Ngô Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

* *Nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc P trình bày:* Bà Phạm Thị Trúc P và ông Ngô Văn S tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2004. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ngoài ra, ông S có người phụ nữ khác nên bà P và ông S không chung sống từ tháng 8/2021 đến nay, nhận thấy giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà Phạm Thị Trúc P yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thành H, sinh ngày 22/6/2004 (trưởng thành) và Ngô Quốc M, sinh ngày 16/10/2012, hiện bà P nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà P yêu cầu nuôi con chung Ngô Quốc M, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng tạo lập được khối tài sản như sau:

- Diện tích 7.131m², thửa số 27, tờ bản đồ 35, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông Ngô Văn S đứng tên.

- Diện tích 6.679m², thửa số 837, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông Ngô Văn S đứng tên ngày 17/12/2020.

- Diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho P và S đứng tên vào ngày 16/7/2018.

- Diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016.

- Diện tích 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016, trên đất có căn nhà cấp IV nền lát gạch bông, mái lợp tole, diện tích ngang 7m x dài 18m = 126m².

Bà P yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung gồm: diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50; diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50; diện tích 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50 và căn nhà cấp IV nền lát gạch bông, mái lợp tole, diện tích ngang 7m x dài 18m = 126m², theo chứng thư thẩm định giá.

- Về nợ chung: Xác nhận vợ chồng có nợ chung 200.000.000 đồng, bà P thống nhất hoàn trả cho ông S số tiền là 100.000.000 đồng.

Ngày 04/8/2025, bà P rút một phần yêu cầu chia tài sản chung với ông Ngô Văn S diện tích đất 7.131m², thửa số 27, tờ bản đồ 35 và diện tích 6.679m², thửa số 837, tờ bản đồ 50, do ông Ngô Văn S đứng tên.

** Bị đơn ông Ngô Văn S trong quá trình Tòa án mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải vắng mặt, tại phiên tòa ông Ngô Văn S có mặt trình bày:*

Về hôn nhân: Ông S thống nhất thuận tình ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thành H, sinh ngày 22/6/2004 (trưởng thành) và Ngô Quốc M, sinh ngày 16/10/2012, ông S thống nhất giao con chung Ngô Quốc M cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà P

- Diện tích 7.131m², thửa số 27, tờ bản đồ 35, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S đứng tên ngày 07/4/2020 là tài sản riêng (khi nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Mỹ Đ vào ngày 09/3/2020 bà P có văn bản cam kết về tài sản riêng của ông S và đã được Văn phòng C1 chứng nhận).

- Diện tích 6.679m², thửa số 837, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S đứng tên ngày 17/12/2020 là tài sản riêng (khi nhận chuyển nhượng từ ông Chung Văn H1 và bà Lâm Thị Ngọc M1 vào ngày 25/11/2020 thì bà P có văn bản cam kết về tài sản riêng của ông S và đã được Văn phòng C1 chứng nhận).

- Diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 16/7/2018.

- Diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016.

- Diện tích 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016. Phần đất này ông S với bà P đã chuyển nhượng cho Hợp tác xã P1 nên không còn. Đối với căn nhà cấp IV trên đất, khi mẹ ông S còn sống có cho vợ chồng ở và xây nhà cho vợ chồng ông S. Vì vậy, căn nhà cấp IV này không phải là tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia.

Đối với, 03 diện tích đất do ông S và bà P đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản của ông S có trước khi kết hôn với bà P. Tuy nhiên, đến khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà P và ông S đứng tên chung trong 03 quyền sử dụng đất gồm: CS02518; CS02519; CS03478. Do đó, bà P không có đóng góp gì trong khối tài sản chung này. Nên, khi chia tài sản chung ông S yêu cầu Tòa án xem xét công sức đóng góp, cho ông S được hưởng 80%, bà P hưởng 20%.

Vào ngày 10/02/2025, ông S phản tố về nợ chung: Năm 2021, vợ chồng có vay tiền của Ngân hàng S2 chi nhánh P2 là 200.000.000 đồng. Sau đó, ông S đã tắt toán nợ cho Ngân hàng, nên ông S yêu cầu bà Phạm Thị Trúc P có nghĩa vụ hoàn trả cho ông S số tiền 100.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thành D có ý kiến trình bày ngày 18/3/2025, thể hiện nội dung:* Diện tích đất chuyên trồng lúa nước 6.679m², thửa số 837, tờ bản đồ 50; diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50, và diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50, hiện nay do ông D là người quản lý sử dụng, ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ cung cấp thông tin cho Tòa án.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 183/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang, đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Phạm Thị Trúc P với ông Ngô Văn S về diện tích đất 7.131m², thửa số 27, tờ bản đồ 35 và diện tích 6.679m², thửa số 837, tờ bản đồ 50, quyền sử dụng đất do ông Ngô Văn S đứng tên.

2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Trúc P với ông Ngô Văn S.

3. Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thành H, sinh ngày 22/6/2004 (trưởng thành) và Ngô Quốc M, sinh ngày 16/10/2012. Giao con chung Ngô Quốc M cho bà P được nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Ông Ngô Văn S được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng 03 diện tích gồm: diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03478 ngày 16/7/2018; diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02519, ngày 23/6/2016; diện tích 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02518, ngày 23/6/2016, và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, có kết cấu nền lát gạch bông, mái lợp tole, tổng diện tích 126m², nhà đất tọa lạc xã P, tỉnh An Giang.

Ông Ngô Văn S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị Trúc P giá trị phần chênh lệch về tài sản chung được chia là 611.331.700 đồng (*Sáu trăm mười một triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm đồng*).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn S đối với bà Phạm Thị Trúc P về số tiền 100.000.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Trúc P có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn S số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

6. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 01/10/2025, ông Ngô Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 183/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

* Tại phiên tòa:

+ Bà Bùi Trần Phú T là người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản của ông Ngô Văn S có ý kiến tranh luận: Tại phiên tòa hôm nay bà P đã rút lại không còn yêu cầu đối với diện tích đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50 hiện nay đã chuyển nhượng cho Hợp tác xã không còn là tài sản chung của ông S, bà P thì ông S đồng ý. Đề nghị, Hội đồng xét xử phúc xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn S đối với phần tài sản chung diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03478 ngày 16/7/2018; diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02519, ngày 23/6/2016 và căn nhà có cấu trúc nền lát gạch bông, mái lợp tole nằm trên diện tích đất của ông Ngô Văn L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00602/nC cấp ngày 30/11/1994 (giấy chứng nhận biến động ngày 24/9/2020). Nguồn gốc đất được cha mẹ ruột của ông S cho riêng ông S đứng tên sau đó điều chỉnh biến động mới thay đổi tên bà P, ông S cùng đứng tên. Đối với căn nhà là do bà Đ1 mẹ ruột ông S cất cho vợ chồng ông S, bà P khi mới cưới về ở, xét nguồn gốc hình thành tài sản đều do gia

đình của ông S tặng cho nên tính công sức tạo lập tài sản là của ông S. Đề nghị xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông S được nhận 70% và bà P nhận 30% giá trị tài sản. Ông S đề nghị nhận hiện vật và đồng ý hoàn 30% giá trị tài sản cho bà P theo giá tại Chứng thư thẩm định giá.

+ Ông Ngô Văn S thống nhất với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản, ông không có ý kiến tranh luận.

+ Ông Nguyễn Quốc V là người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản của bà Phạm Thị Trúc P có ý kiến tranh luận: Tại phiên tòa, bà P xác định không còn tranh chấp và xin rút lại yêu cầu chia đôi với diện tích đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02518, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 23/6/2016, vị trí khu đất tọa lạc xã P, tỉnh An Giang. Bà P không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông S đề nghị chia cho ông S nhận 70% và bà P nhận 30% giá trị tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, ông S và bà P cùng đứng tên trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời gian sống chung hơn 20 năm nên xem xét công sức của bà P, để chia cho bà P được nhận 50% đối với giá trị tài sản chung là diện tích đất 4.121m²; diện tích đất 716m² và căn nhà.

+ Bà Phạm Thị Trúc P đồng ý với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền, bà không có ý kiến khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn S. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 183/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang:

Chia tài sản chung 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03478 ngày 16/7/2018; diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02519, ngày 23/6/2016 và 01 căn nhà có cấu trúc nền nóng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole và mái che phía trước căn nhà có cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men, chia cho bà P và ông S mỗi người được nhận 50% giá trị tài sản; Giao toàn bộ tài sản chung cho ông S được nhận bằng hiện vật và ông S có trách nhiệm hoàn lại 50% giá trị tài

sản cho bà P. Ông S được quyền thực hiện các thủ tục kê khai đăng ký điều chỉnh các thông tin biến động đối với tài sản.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc P đối với diện tích đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02518, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 23/6/2016 do bà P đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên và các đương sự phải nộp án phí và chi phí tố tụng theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Ngô Văn S làm đơn kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn D1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu xét xử vắng mặt của ông D1 phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử phúc căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Ngô Văn D1.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc P xác định không còn tranh chấp và xin rút lại yêu cầu chia đôi với diện tích đất 595m², vị trí khu đất tọa lạc xã P, tỉnh An Giang và ông S thống nhất với nội dung bà P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02518, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 23/6/2016, vị trí đất tọa lạc xã P, tỉnh An Giang

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn S, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Giữa ông Ngô Văn S, bà Phạm Thị Trúc P thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, ông S và bà P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 149/2004, ngày 31/5/2004. Thời gian phát sinh mâu thuẫn, các bên không thể hàn gắn mâu thuẫn, cả ông S, bà P đều thống nhất đề nghị giải quyết cho ly hôn.

[2.2] Về con chung: Ông S và bà P thống nhất trình bày có 02 con chung tên Ngô Thành H, sinh ngày 22/6/2004 (trưởng thành) và Ngô Quốc M, sinh ngày 16/10/2012. Sau khi ly hôn ông S, bà P thống nhất việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung

[2.3] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ông S, bà P đều trình bày và thống nhất có nợ chung cũng như đồng ý các bên sẽ tự chịu ½ số nợ và thống nhất số nợ

do ông S đã thanh toán cho ngân hàng nên bà P có trách nhiệm hoàn trả lại tiền cho ông S.

[2.4] Đối với nội dung về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung các đương sự thống nhất không có kháng cáo nên đối với hôn nhân, về con chung và về nợ chung có hiệu lực Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

[3.1] Giữa bà P và ông S có ý kiến không thống nhất với nhau, bà P trình bày giữa vợ chồng có các tài sản chung, gồm:

- Diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 16/7/2018.

- Diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016.

- Căn nhà nền lát gạch bông, mái lợp tole cất trên đất diện tích 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016.

[3.2] Theo bị đơn ông S trình bày phần đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc xã P, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016 này ông S với bà P đã chuyển nhượng cho Hợp tác xã P1 nên không còn. Đối với căn nhà nền lát gạch bông, mái lợp tole trên đất, khi mẹ ông S còn sống có cho vợ chồng ở và xây nhà cho vợ chồng ông S, căn nhà xây dựng trên diện tích đất của cha ông S là ông Ngô Văn L đứng tên. Vì vậy, căn nhà cấu trúc nền lát gạch bông, mái lợp tole này không phải là tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia 50% giá trị tài sản chung theo yêu cầu của bà P.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất với giá tại Chứng thư thẩm định giá số 090/2025/619 ngày 25/8/2025 của Công ty Cổ phần T2 không yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử căn cứ theo sự thống nhất của các đương sự về giá trị tài sản đang tranh chấp để giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.4] Ông S do người đại diện theo ủy quyền là bà Phú T có ý kiến trình bày các tài sản đều có nguồn gốc do ông S được gia đình tặng cho nên xem xét chia tài sản chung theo điều kiện ông S có công sức nhận tài sản chung và hoàn lại giá trị cho bà P và chia cho bà P giá trị 30% giá trị tài sản do 02 diện tích đất do ông S và bà P đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản của ông S đứng tên từ năm 1994 có trước khi kết hôn với bà P. Tuy nhiên, đến khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà P và ông S đứng tên chung trong 02 quyền sử dụng đất gồm: CS02519; CS03478. Do đó, bà P không có đóng góp gì trong khối tài sản chung này. Riêng căn nhà có cấu trúc nền lát gạch bông, mái lợp tole, diện tích

ngang 7m x dài 18m, khi cha mẹ còn sống chính bà Đ1 xây cất cho vợ chồng ông S, bà P ở trên đất

[3.5] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy ông S, bà P chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2004 cho đến năm 2016 tài sản được tặng cho và vào thời điểm sang tên ông S và bà P cùng đứng tên được xác định phù hợp theo quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của ông S và bà P là phù hợp theo quy định.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông S đề nghị đo đạc lại đối với diện tích đất hiện nay bà P yêu cầu chia 50% đối với diện tích 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50 và căn nhà có cấu trúc nền lát gạch bông, mái lợp tole, diện tích ngang 7m x dài 18m; đồng thời xác định lại đất cất nhà không phải trên diện tích đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB743110, số vào sổ CS02518 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016

[4.1] Sau khi thực hiện đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ được ghi nhận tại Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ2 Chi nhánh khu vực L xã P ngày 17/6/2026, tại các điểm 3, 6, 7, 4 là diện tích đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB743110, số vào sổ CS02518 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016. Vị trí khu đất tọa lạc tại xã P, tỉnh An Giang với tờ bản đồ số 38, thửa đất số 14, diện tích 470 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT16176 là cùng vị trí

[4.2] Cấp phúc thẩm có trích lục được hồ sơ về trình tự thủ tục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm bản sao y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Biên bản xác định mốc ranh giới khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Các tài liệu liên quan đến quyền sử dụng đất có các thông tin thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với: Diện tích 470 m², tờ bản đồ số 38, thửa đất số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT16176 và diện tích đất 1.452m², loại đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00602QSĐĐ/nC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Ngô Văn L đứng tên vào ngày 30/11/1994. Nội dung thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Văn phòng Đ2 chi nhánh P2 ký xác nhận ngày 24/9/2020 đã có căn cứ xác định:

+ Diện tích đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50, loại đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB743110, số vào sổ CS02518 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P đứng tên vào ngày 23/6/2016 đã được ông S, bà P ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bên nhận chuyển nhượng là Hợp tác xã P1 do ông Võ Lợi D2 – Chủ tịch Hội đồng quản trị làm người đại diện vào ngày 03/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang với giá 75.000.000 đồng và được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực số 24/2016, quyền số

01-SCT/HĐ.GD ngày 3/8/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB743110, số vào sổ CS02518 đã cập nhật phần IV những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 9/5/2018 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Hợp tác xã P1. Đến ngày 15/5/2018, Hợp tác xã P1 được Sở T cấp Giấy chứng nhận số vào sổ CT16176, diện tích 470,0 m², thửa đất số 14, tờ bản đồ số 38, loại đất thương mại, dịch vụ

+ Đối với căn nhà mà bà P đang yêu cầu chia và xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang lập ngày 04/02/2026, thể hiện căn nhà có cấu trúc nền nóng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole; Phía trước căn nhà có phần mái che cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men, xung quanh căn nhà có tường rào + cổng rào trước nhà. Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất sau khi đo đạc thể hiện căn nhà tại các điểm 42,43,44,45 diện tích 100,2m² và tại các điểm 40, 41, 42, 45 là mái che có diện tích 33,3m² của Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ2 Chi nhánh khu vực Liên xã P ngày 17/6/2026 thì phần diện tích đất này nằm trong diện tích đất 1.452m², loại đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00602QSDĐ/nC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Ngô Văn L đứng tên ngày 30/11/1994. Nội dung thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Văn phòng Đ2 chi nhánh P2 ký xác nhận ngày 24/9/2020

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 138/2020/QĐST-DS ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân nay là Tòa án nhân dân khu vực 12-An Giang có quyết định:

“- Ngô Văn S: Nền đất gắn liền căn nhà của anh S: Diện tích 359 m² đất 02 lúa, ở các điểm 17, 23, 37, 54, 16. Theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 24/5/2020 của văn phòng Đ2-chi nhánh huyện P2

...

Các ông, bà có tên trên đây gồm: T1, S, S1, SuoL,H2, hiện nay tách thửa đối với diện tích đất mình được hưởng là chưa thực hiện được, vì đất mỗi người được hưởng chưa được 500 m², vì vậy các đương sự thống nhất nếu sau này nhà nước có chủ trương đủ dưới 500m² vẫn được tách thửa thì lúc bấy giờ mới tiến hành thực hiện

...”

[4.3] Tại Công văn số 1235/CNKVLXPT-ĐK V/v phúc đáp Công văn số 146/CV-TA ngày 29/7/2026 của Văn phòng Đ2 Chi nhánh khu vực L xã P thông tin căn nhà ông S, bà P đang tranh chấp được xây dựng vẫn nằm trên diện tích đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của ông Ngô Văn L.

[5] Từ những phân tích trên việc bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cản trở việc đo đạc dẫn đến giai đoạn phúc thẩm có phát sinh đối với các tình tiết mới không phải lỗi cấp sơ thẩm nhưng trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ cấp sơ thẩm cần thận trọng hơn để làm cơ sở giải quyết vụ án được triệt để.

[5.1] Bà Phạm Thị Trúc P yêu cầu chia đôi tài sản chung, bà xin được nhận giá trị tài sản và đồng ý giao hết hiện vật nhà và đất cho ông Ngô Văn S nhận. Ông Ngô Văn S đồng ý nhận tài sản chung bằng hiện vật và hoàn giá trị lại cho bà P. Đôi với diện tích đất 595m² hiện nay bà P rút lại không yêu cầu, cũng như không có yêu cầu chia diện tích đất nơi có căn nhà nên không cần thiết đưa Hợp tác xã P1, cũng như những người đang có nhà trên diện tích đất của ông L, gồm ông Ngô Văn H2, bà Ngô Thị T1 vào tham gia tố tụng mà chỉ cần sửa án sơ thẩm xác định lại tài sản chung của ông S, bà P.

[5.2] Tại phiên tòa, ông S kháng cáo yêu cầu được chia 70% giá trị tài sản và được nhận bằng hiện vật đối với diện tích 4.121m², diện tích 716m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở T cấp cho ông Ngô Văn S, bà Phạm Thị Trúc P và căn nhà kết cấu nền lát gạch bông, mái lợp tole.

[5.3] Các đương sự đều xác nhận nguồn gốc đất hình thành là được gia đình của ông S tặng cho, bà Trúc P tại phiên tòa phúc thẩm cũng xác nhận các diện tích đất được cha mẹ chồng tặng cho lại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ theo tinh thần của Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì khi chia phải coi ông S có công sức đóng góp nhiều hơn để chia theo công sức của mỗi bên và cần phải căn cứ vào nhu cầu về chỗ ở để chia hiện vật cho các bên nhằm đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Cả ông S, bà P thống nhất giao tài sản chung bằng hiện vật cho ông S được nhận và ông S có trách nhiệm hoàn giá trị là phù hợp, nhưng đối với yêu cầu của ông S đề nghị được nhận 70% giá trị tài sản là không có căn cứ chia cho ông S được nhận 70% phần tài sản.

[5.4] Hội đồng xét xử chia đôi với diện tích 4.121m², diện tích 716m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở T cấp cho ông Ngô Văn S, bà Phạm Thị Trúc P chia cho ông S được nhận 60% giá trị tài sản, bà P được nhận 40% giá trị tài sản.

[5.5] Căn nhà có cấu trúc nền nóng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole; Phía trước căn nhà có phần mái che cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men; ông S cho rằng đây là tài sản cha mẹ còn sống có cho vợ chồng ở trên đất và xây nhà. Tại phiên tòa, ông S không có cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đây là tài sản được cha mẹ ông S xây dựng và cho lại vợ chồng, ông S cũng xác định căn nhà có hiện trạng như hiện nay được xây dựng, sửa chữa từ năm 2012. Do đó, chia cho bà P và ông S mỗi người được nhận 50% giá trị tài sản của căn nhà có cấu trúc nền nóng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole; Phía trước căn nhà có phần mái che cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn S là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa án

sơ thẩm đối với chia tài sản chung và điều chỉnh lại án phí sơ thẩm theo quy định. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông S là có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu.

[7] Tài sản chung của bà Phạm Thị Trúc P và ông Ngô Văn S, gồm có: Diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá 453.310.000 đồng; Diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02519, ngày 23/6/2016, trị giá 78.760.000 đồng và căn nhà có kết cấu nền móng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole; Phía trước căn nhà có phần mái che cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men, xung quanh căn nhà có tường rào + cổng rào trước nhà, trị giá 213.998.400 đồng; Vị trí nhà, đất tọa lạc xã P, tỉnh An Giang. Tổng giá trị tài sản chung là 746.068.400 đồng

[7.1] Chia tài sản chung bà Phạm Thị Trúc P được nhận 40% giá trị tài sản chung là diện tích 4.121m², diện tích 716m², tương đương số tiền 212.834.400 đồng và 50% giá trị tài sản chung căn nhà có cấu trúc nền móng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole; Phía trước căn nhà có phần mái che cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men, xung quanh căn nhà có tường rào + cổng rào trước nhà trị giá 106.999.200 đồng. Bà P được nhận tổng giá trị tài sản được chia số tiền 319.833.600 đồng

[7.2] Chia tài sản chung ông Ngô Văn S được nhận 60% giá trị tài sản chung là diện tích 4.121m², diện tích 716m² tương đương số tiền 319.251.600 đồng và 50% giá trị tài sản chung căn nhà có cấu trúc nền móng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole; Phía trước căn nhà có phần mái che cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men, xung quanh căn nhà có tường rào + cổng rào trước nhà trị giá 106.999.200 đồng. Ông S được nhận tổng giá trị tài sản được chia số tiền 426.250.800 đồng

[7.3] Ông Ngô Văn S được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03478 ngày 16/7/2018; diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02519, ngày 23/6/2016 và 01 căn nhà có cấu trúc nền móng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole tại các điểm 42,43,44,45 diện tích 100,2 m² và mái che phía trước căn nhà có cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men có diện tích 33,3 m² tại các điểm 40, 41, 42, 45 của Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ2 Chi nhánh khu vực L xã P ngày 17/6/2026. Vị trí nhà đất tọa lạc xã P, tỉnh An Giang.

[7.4] Ông Ngô Văn S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị Trúc P giá trị phần chênh lệch về tài sản chung được chia là 319.833.600 đồng (*Ba trăm mười chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng*).

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản giai đoạn sơ thẩm 19.325.280 đồng và giai đoạn phúc thẩm số tiền

3.787.000 đồng. Tổng cộng số tiền 23.112.280 đồng; bà P và ông S cùng phải nộp chi phí tố tụng mỗi người là 11.556.140 đồng. Nhưng bà P nộp tạm ứng số tiền 19.325.280 đồng tại giai đoạn sơ thẩm, ông S nộp tạm ứng giai đoạn phúc thẩm số tiền 3.787.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào tiền tạm ứng bà P và ông S đã nộp thì bà P đã nộp đủ chi phí tố tụng. Ông S có nghĩa vụ hoàn lại cho bà P số tiền 7.769.140 đồng

[9] Về án phí:

[9.1] Bà Phạm Thị Trúc P tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, phải chịu án phí chia tài sản là 15.991.680 đồng và án phí nghĩa vụ trả nợ 5.000.000 đồng. Tổng số tiền án phí bà P phải nộp là 21.291.680 đồng nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 39.850.000 đồng sang theo biên lai thu số 0011749 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12-An Giang. Sau khi khấu trừ hoàn lại 18.558.320 đồng cho bà Phạm Thị Trúc P.

[9.2] Ông Ngô Văn S phải chịu án phí chia tài sản là 21.312.540 đồng, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng sang theo biên lai thu số 0011819 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12-An Giang. Sau khi khấu trừ, ông S còn phải nộp tiền án phí là 18.812.540 đồng.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do, yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn S được chấp nhận một phần nên ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số , ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn S yêu cầu chia tài sản chung đối với bà Phạm Thị Trúc P.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 183/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc P đối với diện tích đất 595m², thửa số 6, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02518, do

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 23/6/2016 do bà P đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 33, Điều 55, Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 63, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Phạm Thị Trúc P với ông Ngô Văn S về diện tích đất 7.131m², thửa số 27, tờ bản đồ 35 và diện tích 6.679m², thửa số 837, tờ bản đồ 50, quyền sử dụng đất do ông Ngô Văn S đứng tên.

2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Trúc P với ông Ngô Văn S.

3. Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thành H, sinh ngày 22/6/2004 (đã trưởng thành) và cháu Ngô Quốc M, sinh ngày 16/10/2012.

Sau khi ly hôn giao con chung cháu Ngô Quốc M cho bà P được tiếp tục nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị Trúc P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ngô Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

4. Tài sản chung của bà Phạm Thị Trúc P và ông Ngô Văn S, gồm: diện tích 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03478 ngày 16/7/2018; diện tích 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02519, ngày 23/6/2016; 01 căn nhà có cấu trúc nền nóng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole tại các điểm 42,43,44,45 diện tích 100,2 m² và mái che phía trước căn nhà có cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men có diện tích 33,3 m² tại các điểm 40, 41, 42, 45 của Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ2 Chi nhánh khu vực Liên xã P ngày 17/6/2026; vị trí nhà đất tọa lạc xã P, tỉnh An Giang. Tổng trị giá tài sản chung là 746.068.400 đồng

4.1. Chia tài sản chung bà Phạm Thị Trúc P được nhận 40% giá trị tài sản chung là diện tích 4.121m², diện tích 716m² tương đương: 212.834.400 đồng và 50% giá trị tài sản chung căn nhà có cấu trúc nền nóng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole diện tích 100,2m² và mái che có cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men diện tích 33,3m² trị giá

106.999.200 đồng. Bà P được nhận tổng giá trị tài sản được chia số tiền 319.833.600 đồng

4.2. Chia tài sản chung ông Ngô Văn S được nhận 60% giá trị tài sản chung là diện tích 4.121m², diện tích 716m² tương đương: 319.251.600 đồng và 50% giá trị tài sản chung căn nhà có cấu trúc nền nóng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole diện tích 100,2m² và mái che có cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men diện tích 33,3m² trị giá 106.999.200 đồng, ông S được nhận tổng giá trị tài sản được chia số tiền 426.250.800 đồng

5. Ông Ngô Văn S được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 4.121m², thửa số 1191, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03478 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P ngày 16/7/2018; Diện tích đất 716m², thửa số 5, tờ bản đồ 50 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02519 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh A cấp cho ông S với bà P ngày 23/6/2016 và 01 căn nhà có cấu trúc nền nóng xây gạch + sàn cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole tại các điểm 42,43,44,45 diện tích 100,2 m² và mái che phía trước căn nhà có cấu trúc khung gỗ tạp, mái tole nền lát gạch men có diện tích 33,3 m² tại các điểm 40, 41, 42, 45 của Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ2 Chi nhánh khu vực L xã P ngày 17/6/2026. Vị trí nhà đất tọa lạc xã P, tỉnh An Giang.

6. Ông Ngô Văn S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị Trúc P giá trị phần chênh lệch về tài sản chung được chia là 319.833.600 đồng (*Ba trăm mười chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng*).

Ông Ngô Văn S có quyền, nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký điều chỉnh thông tin biến động đối với các quyền sử dụng đất tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ2 Chi nhánh khu vực L xã P ngày 17/6/2026 được đính kèm với bản án)

7. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn S đối với bà Phạm Thị Trúc P về số tiền 100.000.000 đồng

Buộc bà Phạm Thị Trúc P có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn S số tiền là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về nợ chung: không xem xét giải quyết

9. Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài

sản giai đoạn sơ thẩm và giai đoạn phúc thẩm tổng cộng số tiền 23.112.280 đồng; bà P và ông S cùng phải nộp chi phí tố tụng mỗi người là 11.556.140 đồng. Sau khi khấu trừ vào tiền tạm ứng bà P và ông S đã nộp, bà P đã nộp đủ chi phí tố tụng. Ông S có nghĩa vụ hoàn lại cho bà P chi phí tố tụng số tiền 7.769.140 đồng

10. Về án phí:

10.1. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Trúc P phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 21.291.680 đồng nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 39.850.000 đồng sang theo biên lai thu số 0011749 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12-An Giang. Sau khi khấu trừ hoàn lại 18.558.320 đồng cho bà Phạm Thị Trúc P.

Ông Ngô Văn S phải chịu án phí chia tài sản là 21.312.540 đồng, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng sang theo biên lai thu số 0011819 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12-An Giang. Sau khi khấu trừ, ông S còn phải nộp tiền án phí là 18.812.540 đồng.

10.2. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Ngô Văn S 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông S đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004239 ngày 14/10/ 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12-An Giang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa Dân sự;
- VKSND tỉnh AG;
- Phòng GDKT,TT&THA;
- TAND Khu vực 12-An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 12-An Giang;
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Ngọc Thúy

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu Phú;
- Chi cục THA-DS huyện Châu Phú;
- Phòng TTKT & THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Ngọc Thúy

